

Số. 10 / KKG-VL
V/v kê khai bổ sung mức
giá dịch vụ giáo dục

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2023

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Thực hiện công văn số 2186/SGDDĐT-KHTC ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kê khai giá dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập;

Công ty TNHH Giáo dục Duy Thịnh – chủ đầu tư trường Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang - gửi Bảng kê khai bổ sung mức giá dịch vụ giáo dục (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/07/2023 (Năm học 2023-2024)

Công ty TNHH Giáo dục Duy Thịnh xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

(Kèm Bảng kê khai mức giá)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đan Dung

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Đỗ Thị Thu Hương
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 12 Thuận Kiều , phường 12 Quận 5
- Số điện thoại liên lạc: 090 8260818
- Email: c12vanlangq5.tphcm@moet.edu.vn



BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 10 /KKG-VL ngày 06 tháng 06 năm 2023 của đơn vị)

1. Mức giá kê khai: Đvt : triệu đồng

STT	Tên dịch vụ giáo dục	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Học phí lớp 1	Đủ kiến thức theo phân phối chương trình của BGD + chương trình sinh ngữ tiếng Trung	1hs/năm	46	50	4	8,6 %	Có thể chia nhiều đợt đồng, tối đa là 10 đợt
2	Học phí lớp 2+3		1hs/năm	48	52	4	8,3 %	
3	Học phí lớp 4+5		1hs/năm	50	54	4	8 %	
4	Học phí lớp 6→9		1hs/năm	56	60	4	7,1 %	
5	Học phí lớp 10		1hs/năm	57	61	4	7 %	
6	Học phí lớp 11		1hs/năm	59	63	4	6,7 %	
7	Học phí lớp 12		1hs/năm	65	69	4	6,1 %	
8	Phí bán trú lớp 1→3	Ăn ngủ trưa tại trường	1hs/tháng	1,5		0		Bình quân 22 ngày, đồng từng tháng
9	Phí bán trú lớp 4→7		1hs/tháng	1,7		0		
10	Phí bán trú lớp 8→12		1hs/tháng	1,9		0		
11	Học tập ngoại khóa	Những tiết học ngoài nhà trường	1hs/năm		1			đóng chung với kỳ đóng hp

2. Các nguyên nhân làm tăng giá dịch vụ giáo dục: Vật giá điện nước, tiền thuê csvc tăng; chi phí trả lương cho CBQL-GV-NV tăng để đảm bảo cuộc sống của NLĐ.

3. Các chính sách ưu đãi :

Đóng học phí trọn năm học : giảm 3%

Đóng từng học kỳ : giảm 2%

Chia làm 3 đợt đóng : giảm 1%

Anh chị em ruột học chung trường : được giảm từ 1tr đến 2,5 tr/1 năm /1 hs

Học sinh ngoan, học giỏi và có hoàn cảnh khó khăn : được xét miễn giảm học phí tùy trường hợp .

Miễn học phí cho con của Giáo viên, nhân viên học tại trường

Học bổng khuyến học :

Học sinh đạt danh hiệu Giỏi 5 năm liền cấp Tiểu học : 1 triệu

Học sinh đạt danh hiệu Giỏi 4 năm liền cấp THCS : 4 triệu

Học sinh đạt danh hiệu Giỏi 3 năm liền cấp THPT : 4 triệu

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/07/2023

Ghi chú: Mức giá kê khai trên chưa trừ ưu đãi (nếu có) và đã bao gồm thuế VAT

